ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1894.../QĐ-UBND	*TP. Bà Rịa, ngày 25 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 15/2013/TT-BTNMT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập bản đồ tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:50.000;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 3732./TTr-STNMT ngày 28 tháng 6..... năm 2019 về việc ban hành danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Bản đồ khoanh định khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất tỷ lệ 1:50.000.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tổ chức công bố Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất đã được phê duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương; thông báo và hướng dẫn UBND cấp huyện và UBND cấp xã tổ chức triển khai

thực hiện Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất theo quy định.

b) Định kỳ năm (05) năm một lần hoặc khi cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, trình UBND tỉnh xem xét quyết định việc điều chỉnh Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh để phù hợp với thực tế.

c) Hằng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước tình hình đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai, hướng dẫn thực hiện Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất đã được phê duyệt; hàng năm tổng hợp, gửi báo cáo kết quả đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tới Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 11.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan tiếp nhận và giải quyết thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất; lập sổ theo dõi, cập nhật số liệu đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn; hằng năm tổng hợp, báo cáo kết quả đăng ký cho UBND cấp huyện trước ngày 15 tháng 11 để tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tuấn Quốc

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Ttr. Tỉnh ủy, Ttr. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT,STNMT (12);

PHỤ LỤC

DANH MỤC KHU VỰC PHẢI ĐĂNG KÝ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1894/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

I. TIÊU CHÍ KHOANH VÙNG ĐĂNG KÝ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Tiêu chí 1. Khu vực có mực nước dưới đất đã bị hạ thấp hơn mực nước hạ thấp cho phép; khu vực có nguy cơ hạ thấp hơn mực nước hạ thấp cho phép;

Tiêu chí 2. Khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn nằm trong vùng có cấu trúc nền đất yếu;

Tiêu chí 3. Khu vực nước dưới đất bị mặn và khu vực ven biển có các tầng chứa nước mặn, nước nhạt nằm đan xen nhau;

Tiêu chí 4. Khu vực nằm trong phạm vi khoảng cách nhỏ hơn một 1km tới bãi rác, nghĩa trang;

Tiêu chí 5. Khu vực đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn; khu/cụm công nghiệp đã có hệ thống cấp nước tập trung.

II. DANH MỤC KHU VỰC PHẢI ĐĂNG KÝ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

STT	Huyện/xã	Diện tích đăng ký khai thác nước dưới đất (km^2)	Tiêu chí khoanh vùng đăng ký khai thác nước dưới đất
I	**Thành phố Vũng Tàu**		
1	Phường 1	0,5	Tiêu chí: 1, 3, 5
2	Phường 2	1,7	Tiêu chí: 1, 2, 3, 5
3	Phường 3	0,8	Tiêu chí: 1, 3, 5
4	Phường 4	0,8	Tiêu chí: 1, 3, 5
5	Phường Thắng Nhì	0,6	Tiêu chí: 1, 3, 5
6	Phường 7	1,6	Tiêu chí: 1, 3, 5
7	Phường 8	2,0	Tiêu chí: 1, 2, 3, 5
8	Phường 9	3,3	Tiêu chí: 1, 2, 3, 5
9	Phường 10	4,1	Tiêu chí: 2, 3, 5
10	Phường 11	10,6	Tiêu chí: 2, 3, 4, 5
11	Phường 12	37,6	Tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5
12	Phường Thắng Nhất	8,6	Tiêu chí: 2, 3, 5
13	Phường Rạch Dừa	6,1	Tiêu chí: 2, 3, 4, 5
14	Phường Thắng Tam	2,6	Tiêu chí: 1, 2, 3, 5
15	Phường Nguyễn An Ninh	4,9	Tiêu chí: 2, 3, 5

STT	Huyện/xã	Diện tích đăng ký khai thác nước dưới đất (km^2)	Tiêu chí khoanh vùng đăng ký khai thác nước dưới đất
16	Xã Long Sơn	49,8	Tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5
II	**Thành phố Bà Rịa**		
1	Phường Kim Dinh	16,6	Tiêu chí: 1, 2, 3, 5
2	Phường Long Hương	13,3	Tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5
3	Phường Long Tâm	3,6	Tiêu chí: 1, 4, 5
4	Phường Long Toàn	3,0	Tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5
5	Phường Phước Hiệp	1,0	Tiêu chí: 1, 2, 3, 5
6	Phường Phước Hưng	3,0	Tiêu chí: 1, 4, 5
7	Phường Phước Nguyên	2,5	Tiêu chí: 1, 2, 4, 5
8	Phường Phước Trung	6,2	Tiêu chí: 1, 2, 3, 5
9	Xã Hòa Long	15,0	Tiêu chí: 1, 4, 5
10	Xã Long Phước	16,2	Tiêu chí: 1, 4, 5
11	Xã Tân Hưng	6,8	Tiêu chí: 1, 4, 5
III	**Huyện Châu Đức**		
1	Thị trấn Ngãi Giao	13,8	Tiêu chí: 5
2	Xã Bàu Chinh	20,6	Tiêu chí: 4, 5
3	Xã Bình Ba	31,2	Tiêu chí: 1, 4, 5
4	Xã Bình Giã	18,0	Tiêu chí: 1, 4, 5
5	Xã Bình Trung	18,1	Tiêu chí: 1, 4, 5
6	Xã Cù Bị	47,5	Tiêu chí: 4, 5
7	Xã Đá Bạc	43,5	Tiêu chí: 1, 5
8	Xã Kim Long	22,2	Tiêu chí: 4, 5
9	Xã Láng Lớn	21,6	Tiêu chí: 5
10	Xã Nghĩa Thành	21,8	Tiêu chí: 1, 4, 5
11	Xã Quảng Thành	30,1	Tiêu chí: 4, 5
12	Xã Sơn Bình	19,9	Tiêu chí: 1, 4, 5
13	Xã Suối Nghệ	21,5	Tiêu chí: 1, 5
14	Xã Suối Rao	31,4	Tiêu chí: 1, 4, 5
15	Xã Xà Bang	37,1	Tiêu chí: 4, 5
16	Xã Xuân Sơn	16,1	Tiêu chí: 1, 4, 5
IV	**Huyện Long Điền**		
1	Thị trấn Long Điền	14,2	Tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5
2	Thị trấn Long Hải	7,2	Tiêu chí: 1, 3, 5
3	Xã An Ngãi	14,0	Tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5
4	Xã An Nhứt	5,9	Tiêu chí: 1, 4, 5
5	Xã Phước Hưng	5,6	Tiêu chí: 1, 3, 5
6	Xã Phước Tỉnh	5,5	Tiêu chí: 1, 3, 5

STT	Huyện/xã	Diện tích đăng ký khai thác nước dưới đất (km^2)	Tiêu chí khoanh vùng đăng ký khai thác nước dưới đất
7	Xã Tam Phước	4,5	Tiêu chí: 1, 5
V	**Thị xã Phú Mỹ**		
1	Phường Phú Mỹ	28,9	Tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5
2	Phường Hắc Dịch	31,6	Tiêu chí: 1, 4, 5
3	Phường Mỹ Xuân	37,5	Tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5
4	Phường Phước Hòa	42,3	Tiêu chí: 2, 3, 4, 5
5	Phường Tân Phước	24,3	Tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5
6	Xã Châu Pha	17,3	Tiêu chí: 1, 4, 5
7	Xã Sông Xoài	29,2	Tiêu chí: 1, 4, 5
8	Xã Tân Hải	15,4	Tiêu chí: 2, 3, 4, 5
9	Xã Tân Hòa	15,1	Tiêu chí: 2, 3, 4, 5
10	Xã Tóc Tiên	11,3	Tiêu chí: 1, 4, 5
VI	**Huyện Xuyên Mộc**		
1	Thị trấn Phước Bửu	9,1	Tiêu chí: 1, 4, 5
2	Xã Bàu Lâm	30,9	Tiêu chí: 1, 4, 5
3	Xã Bình Châu	56,9	Tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5
4	Xã Bông Trang	19,2	Tiêu chí: 1, 3, 4, 5
5	Xã Bưng Riềng	29,0	Tiêu chí: 1, 4, 5
6	Xã Hòa Bình	26,1	Tiêu chí: 1, 4, 5
7	Xã Hòa Hiệp	91,1	Tiêu chí: 1, 4, 5
8	Xã Hòa Hội	64,4	Tiêu chí: 1, 4, 5
9	Xã Hòa Hưng	15,2	Tiêu chí: 1, 4, 5
10	Xã Phước Tân	25,7	Tiêu chí: 1, 4, 5
11	Xã Tân Lâm	70,6	Tiêu chí: 1, 5
12	Xã Phước Thuận	42,2	Tiêu chí: 1, 2, 4, 5
13	Xã Xuyên Mộc	17,8	Tiêu chí: 1, 4, 5
VII	**Huyện Đất Đỏ**		
1	Thị trấn Đất Đỏ	22,4	Tiêu chí: 1, 2, 4, 5
2	Thị trấn Phước Hải	9,2	Tiêu chí: 1, 3, 5
3	Xã Phước Long Thọ	35,6	Tiêu chí: 1, 2, 5
4	Xã Long Tân	29,5	Tiêu chí: 1, 4, 5
5	Xã Láng Dài	32,7	Tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5
6	Xã Lộc An	17,8	Tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5
7	Xã Phước Hội	18,7	Tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5
8	Xã Long Mỹ	9,0	Tiêu chí: 1, 2, 4, 5
VIII	**Huyện Côn Đảo**	75,4	Tiêu chí: 1, 4, 5